

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Tên thương mại

SHL SAMSOL V1

1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT & NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại SHL SAMSOL V1
Đặc tính chung Hỗn hợp
Ứng dụng Dầu gia công kim loại pha nước
Tên và địa chỉ nhà sản xuất
SHL ASEAN CO., LTD.
Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
TEL: +84(0) 2543 876 287 - Fax: +84(0) 2543 876 288
Tên nhà cung cấp SHL ASEAN CO., LTD.
Bộ phận Phòng kỹ thuật

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

PHÂN LOẠI NGUY HIỂM

Độc tính cấp tính đối với da. Loại 4
Độc tính cấp tính hít phải (bụi và sương dầu). Loại 4
Kích ứng da. Loại 1
Kích ứng mắt/ tổn thương mắt. Loại 1.
Nhạy cảm với da. Loại 1.
Độc tính sinh sản. Loại 1B.
Độc tính cơ quan cụ thể. Tiếp xúc 1 lần. Loại 1.
Độc tính cơ quan cụ thể. Tiếp xúc nhiều lần. Loại 1.

NHÃN

Hình GHS



Từ kí hiệu Nguy hiểm

Báo cáo nguy hiểm

Gây tổn hại khi tiếp xúc với da.
Gây hại nếu hít phải
Có thể gây hại tới các cơ quan nếu tiếp xúc lâu hoặc tiếp xúc nhiều lần.
Gây kích ứng nghiêm trọng tới mắt.
Có thể gây phản ứng dị ứng da.
Có thể gây ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi.
Có thể gây hại đến các cơ quan.
Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại

Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa

P201: Đọc kĩ hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202: Không xử lý khi chưa nắm rõ về những chú ý an toàn.
P260: Không hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun của dầu.
P261: Tránh hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun của dầu
P264: Rửa sạch sau khi xử lý.
P270: Không ăn, uống hay hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.
P271: Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc những nơi thoáng khí.
P272: Quần áo bị nhiễm bẩn không được phép mang ngoài nơi làm việc.
P273: Tránh thải ra ngoài môi trường.
P280: Mặc găng tay bảo hộ/ đồ bảo hộ/ mắt kính bảo hộ/ mặt nạ bảo hộ

Biện pháp đối phó

P310: Ngay lập tức gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ/ thầy thuốc trong trường hợp khẩn cấp
P312: Gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ/ thầy thuốc nếu cảm thấy không ổn.
P314: Nhận điều trị y tế/ theo dõi nếu cảm thấy không ổn.

P321: Điều trị cụ thể (xem.. Trên nhãn này)
P322: Biện pháp cụ thể (xem.. Trên nhãn này).
P363: Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi mặc lại.
P391: Thu gom chất bị tràn ra ngoài
P302+P352: NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa với nhiều xà phòng và nước.
P304+P340: NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân đến nơi thông thoáng và nghỉ ở tư thế thoải mái để thở.
P307+P311: Nếu tiếp xúc: Nhận điều trị y tế/ theo dõi.
P308+P313: Nếu tiếp xúc hoặc quan tâm : Nhận điều trị y tế/ theo dõi
P333+P313: Nếu xảy ra kích ứng mắt hoặc sưng tấy: Nhận điều trị y tế/ theo dõi.
P342+P311: Nếu xuất hiện các triệu chứng về hô hấp: Nhận điều trị y tế/ theo dõi.
P301+P330+P331: NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng kĩ. Không cố nôn mửa
P303+P361+P353: NẾU DÍNH TRÊN DA HAY TÓC: Cởi bỏ quần áo bị bẩn và gọi rửa với xà phòng và nhiều nước
P305+P351+P338: NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận trong vài phút. Tháo bỏ len nếu có và để làm. Tiếp tục rửa.

Bảo quản

P405 Bảo quản đóng kín

Xử lý

P501 Xử lý trong hệ thống xử lý hợp pháp hoặc qua công ty xử lý chất thải.

NGUY HIỂM KHÁC

Chỉ số NFPA

Nước : Sức khỏe cộng đồng : 0, Cháy : 0, Phản ứng : 0

Alkanol amine : Sức khỏe cộng đồng : 2, Cháy : 2, Phản ứng : 0

Triethanolamine : Sức khỏe cộng đồng :2, Cháy : 1, Phản ứng : 1

Boric acid : Sức khỏe cộng đồng : 2, Cháy : 0, Phản ứng : 0

Fatty acid ester : Sức khỏe cộng đồng : 2, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Distillated tall oil : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1 Phản ứng : 0

Hydrotreated light paraffinic distillate : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Thành phần khác: Không có dữ liệu.

3. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Nhận danh hóa chất	Đồng danh	Số CAS	Nồng độ (%)
Nước	Dihydrogen oxid	7732-18-5	5 - 15
Alkanol amine	Alkanol amine	Bảo mật	5 - 15
Triethanolamine	Trolamine	102-71-6	1 - 10
Boric acid	Boric acid	10043-35-3	1 - 5
Fatty acid ester	Ester acid béo	Bảo mật	1 - 10
Dầu cát	Dầu hỏa	8002-26-4	2 - 10
Parrafinic nhẹ đã xử lý hydro	Dầu khoáng	64742-55-8	60 - 70
.alpha.-Isotridecyl-.omega.-hydroxypoly(oxy-1,2-ethanediy l)	.alpha.-Isotridecyl-.omega.-hydroxypoly(oxy-1,2-ethanediy l)	9043-30-5	1 - 10

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Dính vào mắt

Rửa bằng dung dịch rửa mắt hoặc nước, giữ mí mắt và rửa ít nhất trong 15 phút.

Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Nếu mắt bị đỏ và sung huyết liên tục, nhận điều trị y tế.

Dính vào da

Rửa với xà phòng và nước khoảng 15 phút.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại.

Nếu kích ứng vẫn liên tục duy trì trên da, nhận điều trị y tế.

Hít phải

Ra ngoài không khí trong lành. Nếu không phục hồi, nhận trợ giúp y tế.

Nuốt phải

Trong trường hợp bị kích ứng, đi khám bác sĩ.

Ngăn nôn mửa. Nếu bị nôn mửa, giữ đầu thấp hơn hông để ngăn tắt đường thở.

Không cho người bất tỉnh ăn bất kì thứ gì

Ngay lập tức, nhận điều trị y tế.

Lời khuyên từ bác sĩ

NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa với nhiều xà phòng và nước.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp

Hóa chất khô, cacbon đioxit, nước, bột chữa cháy.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp

Không có dữ liệu

Chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy

Chất độc sinh ra

Khói lửa, hơi khói, các sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon, NOx, SOx.

CÔNG CỤ CHỮA CHÁY

Người cứu hộ mang thiết bị bảo hộ thích hợp.

Sơ tán khu vực.

Các nhân viên cứu hỏa nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian khép kín, sử dụng thiết bị thở kín (SCBA).

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể, và sử dụng nước để làm nguội các vật liệu tiếp xúc với lửa.

Xịt nước làm nguội các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

Sử dụng nước để làm nguội các bồn, thùng chứa và các bộ phận tiếp xúc với lửa.

Tránh hít phải các chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy và tránh tiếp xúc với da.

Đeo mặt nạ khí hoặc mặt nạ chống khí độc trong phòng kín hoặc nếu cần thiết.

Sử dụng bột nếu tiếp xúc với nhiệt và lửa.

Điểm chớp cháy [Phương pháp]: Không dữ liệu

Trên/ dưới giới hạn cháy (Thể tích % xấp xỉ trong không khí): Không dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không dữ liệu

6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

BIỆN PHÁP BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tránh tiếp xúc với các chất bị đổ ra.

Không đi tới hay đụng tới chất bị tràn ra.

Không hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun của dầu.

Tránh xa các nguồn bắt cháy.

Nếu không nguy hiểm. Ngăn chặn sự rò rỉ.

Chú ý vật liệu và điều kiện cần tránh.

Thay quần áo đã bị nhiễm bẩn bằng đồ mới.

Đeo mặt nạ hô hấp hay thông khí làm việc trong phòng kín.

Tắt các nguồn tiếp xúc hoặc loại bỏ các nguồn phát lửa.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chống ô nhiễm nước.

Không phơi chất ra ngoài môi trường tự nhiên.

Không phơi chất ra ngoài môi trường tự nhiên.

BIỆN PHÁP LÀM SẠCH

Sử dụng cát hoặc vật liệu hấp phụ chống cháy.

Thu lại các chất bị đổ ra vào thùng chứa thích hợp để loại bỏ chúng.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

CHÚ Ý TRONG XỬ LÝ AN TOÀN

Tránh tiếp xúc với da, mắt, tránh hít phải hơi.

Ngăn sự cố tràn nhỏ và rò rỉ để tránh trơn trượt nguy hiểm.

Không ăn hay hít phải chất. Rửa sạch tay và mặt sau khi xử lý.

Không làm nóng hay làm đầy áp thùng chứa rỗng.
Xử lý chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.
Nhiệt độ tải hàng/ dỡ hàng: Nhiệt độ môi trường xung quanh.
Nhiệt độ vận chuyển: Nhiệt độ môi trường xung quanh.
Áp suất khi vận chuyển: Áp suất môi trường xung quanh.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ LƯU TRỮ AN TOÀN

Đóng kín thùng chứa.
Xử lý thùng chứa cẩn thận. Mở từ từ để điều chỉnh áp suất ra ngoài.
Lưu trữ trong khu vực thông thoáng.
Lưu trữ chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.
Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ môi trường xung quanh.
Áp suất bảo quản: Áp suất môi trường xung quanh.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP

Dầu gia công kim loại : TWA : 0.8 mg/m³.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Lắp đặt hệ thống thông khí thải cục bộ.
Kiểm tra nếu tiếp xúc phù hợp với các tiêu chuẩn tiếp xúc.

BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ hô hấp

Nên đeo mặt nạ hô hấp nếu thường xuyên sử dụng với chất lỏng này hoặc tiếp xúc quá mức.
Mặt nạ sẽ được cơ quan An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp Hàn Quốc chứng nhận.

Bảo vệ mắt

Đeo mắt kính chống hóa chất để bảo vệ mắt khỏi chất phân tán hoặc chất lỏng có hại.
Lắp đặt hệ thống rửa mắt gần khu vực làm việc.

Bảo vệ tay

Mang găng tay chống hóa chất.

Bảo vệ cơ thể

Mang đồ bảo hộ chống hóa chất.

9. THÔNG TIN LÝ HÓA

Hình thức tự nhiên	Chất lỏng màu nâu vàng
Mùi	Mùi đặc trưng
pH (3% aq. Solution, 20°C)	10.22
Điểm nóng chảy	< -5 °C
Nhiệt độ sôi	Không có dữ liệu
Điểm chớp cháy	Không có dữ liệu
Sự oxi hóa	Ổn định
Tính dễ cháy	Không có dữ liệu
Sự cháy nổ	Ổn định
Áp suất hơi	Không có dữ liệu
Độ hòa tan trong nước	Tan trong nước
Mật độ hơi	Không có dữ liệu
Tỷ trọng	0.964 (15/4 °C)
Hệ số phân bố	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu
Độ nhớt	Không có dữ liệu
Khối lượng phân tử	Không có dữ liệu

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

Độ ổn định

Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và áp suất thường, sử dụng ở điều kiện thường.

Khả năng tạo ra các chất nguy hiểm trong quá trình cháy

Không xảy ra.

Điều kiện và chất cần tránh

Tất cả các nguồn gây cháy và quá nhiệt, và vật liệu cấm tiếp xúc (chất oxy hóa mạnh).

Chất tạo ra trong quá trình phân hủy

Các sản phẩm phân hủy nhiệt bao gồm các hợp chất Carbon độc hại (VD: CO, ..).

Khói độc, các khí gây kích ứng hoặc ăn mòn có thể sinh ra trong quá trình phân hủy nhiệt.

11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC

NGUY CƠ KHẨN CẤP VÀ MÔI NGUY HẠI

Hít phải

Hít hơi có thể gây kích ứng đường hô hấp và ho, khó thở, buồn ngủ, chóng mặt, đau đầu và buồn nôn, tắc nghẽn phổi, viêm phế quản.

Đính vào mắt

Có thể gây kích ứng mạnh, gây thương tổn.

Đính vào da

Có thể gây kích ứng hoặc phản ứng dị ứng da. Tiếp xúc nhiều lần có thể gây ra các vấn đề về da.

Nuốt phải

Nuốt phải có thể gây kích ứng, nôn mửa, tiêu chảy, đau dạ dày, gan và thận.

THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính đường miệng

LD50 > 5000 mg/kg Thử nghiệm với chuột

Độc tính cấp tính qua da

LD50 < 1784 mg/kg Thử nghiệm với thỏ

Độc tính cấp tính khi hít phải

LD50 > 1.6 mg/L Thử nghiệm trên chuột

Kích ứng da

Có thể gây kích ứng nhẹ (trong vài trường hợp gây kích ứng mạnh làm tổn hại da).

Kích ứng mắt

Có thể gây kích ứng nhẹ (trong vài trường hợp gây kích ứng mạnh làm tổn hại mắt).

Mẫn cảm với hô hấp

Có thể gây nhạy cảm về hô hấp

Mẫn cảm với da

Chú ý với người bị dị ứng viêm da.

Độc tính cấp tính

Không có dữ liệu

Độc tính liều lặp lại

Không có dữ liệu

Biến đổi gen

Không có dữ liệu

Ảnh hưởng tới thế hệ sau

Không có dữ liệu

Tính gây ung thư

Không có dữ liệu

Độc tính cơ quan đích cụ 1 (tiếp xúc 1 lần)

Không có dữ liệu

Độc tính cơ quan đích cụ 1 (tiếp xúc nhiều lần)

Không có dữ liệu

Lời khuyên bổ sung

Không có dữ liệu

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Người ta hy vọng rằng chất này không gây độc trong môi trường thủy sinh.

Độc tính thủy sinh mãn tính

Không có dữ liệu

LAN TRÊN ĐẤT

Không có dữ liệu

ĐỘ BỀN/KHẢ NĂNG PHÂN

Không có dữ liệu

KHẢ NĂNG PHÂN HỦY SINH HỌC : Không có dữ liệu

13. XEM XÉT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH CỦA VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Lượng dầu trên 5% được phân loại theo chất thải quy định.

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Xử lý theo hệ thống tự xử lý hợp pháp hay thông qua công ty xử lý chất thải.

Quản lý theo các cơ sở xử lý chất thải thích hợp.

CHÚ Ý KHI XỬ LÝ

Tuân theo các tiêu chuẩn cụ thể của Luật quản lý chất thải.

CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm.
Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.
Các thùng phi trống nên trút hết chất và lưu trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.
Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của nhà nước.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Số UN : 3082

Tên vận chuyển phù hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S

Phân loại nguy hiểm trong vận chuyển : 9

Nhóm đóng gói : III

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Luật quản lý chất độc hại Không có dữ liệu

Luật quản lý an toàn khí áp cao Không có dữ liệu

Luật quản lý an toàn hàng nguy hiểm :

Loại dầu thứ 3 thuộc nhóm chất nguy hiểm thứ 4 ở Hàn Quốc (Dầu pha nước).

Quy định theo luật nước ngoài

OSHA : Không áp dụng

CERCLA 103 : Không áp dụng

EPCRA 302 : Không áp dụng

EPCRA 304 : Không áp dụng

EPCRA 313 : Không áp dụng

16. THÔNG TIN KHÁC

Nguồn

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp nguyên vật liệu thô.

Viết ngày 20/6/2017

Số lần sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày Rev. 1 4/11/2021

Tài liệu tham khảo khác

Các thông tin và khuyến nghị ở đây là kiến thức tốt nhất và niềm tin của chúng tôi, chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày ban hành. Các thông tin và khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng xem xét, kiểm tra. Đó là trách nhiệm của người sử dụng để đáp ứng rằng sản phẩm là phù hợp cho mục đích sử dụng. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, trách nhiệm của người mua là đảm bảo phù hợp sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác đính kèm trên thùng chứa. Các thủ tục xử lý an toàn và cảnh báo phù hợp nên được cung cấp cho người xử lý và người sử dụng. Nghiêm cấm việc thay đổi tài liệu này. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, không được phép công bố lại hoặc truyền lại toàn bộ hay một phần tài liệu này.

Nếu bạn mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba để sử dụng ở nơi làm việc, trách nhiệm của bạn là nắm rõ các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ ai xử lý hoặc sử dụng sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin trong bảng này. Nếu bạn là chủ, trách nhiệm của bạn là nói cho nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguy hiểm đã được mô tả trong bảng này và của bất kỳ sự phòng ngừa nên được nắm rõ.